SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL



Light

FREEDOM S1PS SNL TLS

FYTS1PSDLT

Dép bảo h ộ **S1PS** **Mũi** bảo hớ ộ đư ợc
u. t **theo hình** dạn g g

FREEDOM S1PS SNL TLS là dép bảo h ộ **thoáng khí, không** chứa
ép bản **kim nanocarbon** khó TLS thiết kế ng g n g **tĩnh** điệ n **(ESD).**



BLK

Những vật liệu **cao** cấp lộ may D	
lót bên trong i 3D tái chế (	100% tái chế)
trong Đ ệm **chân** SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)	
iữa đế g i **không** dệt và hống thủng	
ngoài Đ	ETPU/CAO SU
u Đứng đầ	Nanocarbon
i Loạ	S1 PS / SR, SC, FO, HI, HRO, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-50 / UK 3.0-14.0 / US 3.0-15.0 JPN 21.5-33.0 / KOR 230-330
ng lượng t **thép**	0.570 kg
ẩn **hiệu** chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024





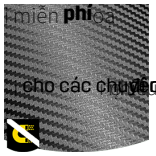
Barefoot-like walking
Anatomical toecap: barefoot-like walking for natural movement and reduced fatigue.



TLS (Hệ thống) **khóa** x
Nhờ phần đóng TLS sáng tạo
Safety Jogger , bạn có thể giày và cởi
nhanh ngay bằng tay và trong mọi hoàn
cảnh, ngay cả khi đeo găng tay
an toàn này. hệ thống TLS cũng đảm
bảo độ chính xác phù hợp nhanh
chóng, an toàn và dễ dàng. Một
trong đó cung gái ấp thúc đẩy
hiệu s



X
ESD cung cấp khả năng xả năng
lượng tĩnh điện có kiểm soát có
thể làm hỏng các bộ phận điện
tử và ngăn chặn bắt lửa do tích điện.
100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



Kim |
Giày an toàn không có giày an
toàn thông thường. Chúng cũng
cho các chuyên gia



Mũi giày an toàn bằng **nano-carbon**
Vật liệu công nghệ cao siêu nhẹ,
không kim |



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt
độ

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**

Biên t ập , lĩnh vự c **ô tô, Ngành công** n g**hiệ**n p , hậ

ường: **Môi** t

ru ờn g**môi khô,** Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**

éo dài t Đ**giày, chúng tôi khuyên** b**ạn nên** v ệ **sinh giày** thư ờn g **xuyên và** b**ảo** v ệ **chúng** b**ằng phẳng cách** h**àng** n**hiệ**g **khô** trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật lt **máy** D **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ntu ấm ớc h ơ	? 0.8		32.71	ời	mg/cm/g
	Top: hi nụ số ớc h ơ	? 15		262		mg/cm2
ót bên trong	i **3D tái** L ch ốc **(100% tái** ch ế)					
	L ớp **lót:** n ấm ớc h ơ	? 2		43.33	ời	mg/cm/g
	lót: hi nụ số ớc h ơ	? 20		343		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)						
	ệ m chân Đ ch ốn g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài Đ	**ETPU/CAO SU**					
	Ch ố n ảm gh ế mài mòn ế ngoài (	? 150		114		mm
	Chư ố ợt c ớt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt **gót** v ề **phía** t	? 0.31		0.47		ma sát
	ru Ợt c ố ớt bản - G ố m + NaLS - Trư ợt **lùi** v ề **phía** t	? 0.36		0.45		ma sát
	ru Ợt **SR** - G ế t m + Glycerin - Trư ợt **gót** phía t	? 0.19		0.35		ma sát
	Chư ố ợt **SR** - G ố m + Glycerin - Trư ợt v ề phía t	? 0.22		0.32		ma sát
	ri ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000		42.6		megaohm
	ri ESD Giá t	0.1 - 100		24		megaohm
	Hấp thụ năng l ượ g **gót** chân c ủ	? 20		29		J
Đ ứ n g đầ **Nanocarbon**						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A		N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A		N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14		16.5		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14		23		mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi khuyến cáo thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Đ

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả					
	V ật l iệu		5.49		kg
	Bao bì		0.12		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			7.76 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		16%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
Các giá trị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.